

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày 22/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Vương
Ông Điều Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh S (tên gọi khác: S T), sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị M (đã chết); Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 16/5/2000 bị cáo bị Chủ tịch UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 06 (sáu) tháng; Đã chấp hành xong;

Ngày 06/5/2004 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 26 tháng tù về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 25/6/2004, bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày phạm tội bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/5/2017 đến ngày 26/6/2017, từ ngày 08/3/2018 đến ngày 11/10/2018 và từ ngày 22/11/2018 cho đến nay;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đức A (Tên gọi khác: Bự), sinh ngày 02/4/1999 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: tổ 7, ấp 5, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật; Quốc

tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành P và bà Hồng Bửu Ph; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/5/2017 cho đến ngày 22/01/2018 và từ ngày 25/4/2019 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

Điền K, sinh năm 2000

Trú tại: ấp S, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Lê Trọng N, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Cùng trú tại: ấp 8c, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Huỳnh Hoàng Nh, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Trú tại: tổ 2, ấp 5, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Đặng Xuân V, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Trú tại: ấp 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Thị Nh1, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Trú tại: ấp S, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1958. Vắng mặt.

Trú tại: ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Hồng Bửu Ph, sinh năm 1970. Có mặt

Trú tại: tổ 7, ấp 5, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 04 giờ ngày 27/4/2017, tại nhà ông Huỳnh Hoàng Nh thuộc tổ 2, ấp 5, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, sau khi ngủ dậy, do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Thanh S nảy sinh ý định tìm nhà người dân sơ hờ để trộm cắp tài sản. Lúc này S gọi Nguyễn Đức A dậy và nói với A “đi kiểm tài sản để lấy” thì A đồng ý. Sang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius, không biển kiểm soát, chở A đến khu vực xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước thì nhìn thấy Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 93C1-104.53 đang lưu thông phía trước, cùng chiều thì S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của K. S điều khiển xe theo sau K vào vườn điều thuộc tổ 5, ấp T,

xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Khi K dừng xe thì S tiếp tục đi qua rồi quay lại và dừng xe cách xe K khoảng 2,5m đến 03m. A ngồi trên xe còn S đến nói chuyện với K sau đó mượn điện thoại di động hiệu FPT của K để nghe nhạc thì K đồng ý và đưa điện thoại cho S. S lấy điện thoại và đưa cho A cầm. Lợi dụng sơ hở, không chú ý của K, S đi vòng ra sau lưng K và dùng tay trái giật lấy chìa khóa xe mô tô trong túi quần bên phải của K rồi đưa chìa khóa sang tay phải cầm chìa khóa vào ổ khóa xe đồng thời dùng tay trái đẩy vào lưng làm K rời ra khỏi xe. S nghiêng chân trái, quay đầu xe, nổ máy điều khiển xe bỏ chạy. A ngồi gần đó nên quan sát rõ mọi hành động của S. Khi thấy S nổ máy xe bỏ chạy thì A nhét điện thoại của K vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô của S chạy theo sau.

Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của K, S điều khiển xe mô tô đến khu vực suối thuộc xã L, huyện L thì dừng xe, tháo biển số ra ném vào bụi tre bên đường. A đưa điện thoại của K cho S rồi cả hai điều khiển xe mô tô về xã L, huyện L. Sau đó S một mình điều khiển xe mô tô chiếm đoạt được đến cửa khẩu Hoa Lư bán cho một người thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch với số tiền 400 đô la Mỹ. S đến tiệm vàng “H T” tại thị trấn L, dùng 200 đô la Mỹ đổi được 4.500.000đ. Đổi tiền xong, S về nhà ông Nh đưa cho A 1.000.000đ. Còn 200 đô la Mỹ, S đưa cho ông Nh nhờ ông Nh đổi được 4.450.000đ, S đưa cho ông Nh 1.500.000đ và đưa cho Lê Trọng N 500.000đ nhưng không nói gì về nguồn gốc số tiền trên. Số tiền còn lại S tiêu xài hết.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 235 ngày 11/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận: Xe mô tô biển số 93C1-104.53 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 19.206.000đ; Điện thoại di động FPT X5 trị giá 1.192.000đ.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 20.398.000đ.

Vụ thứ hai:

Sau khi Tòa án nhân dân huyện H xét xử vụ án hình sự sơ thẩm đối với hành vi của các bị cáo Nguyễn Thanh S và Nguyễn Đức A, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã kháng nghị bản án sơ thẩm nên bị cáo S được chuyển từ nhà tạm giữ công an huyện H sang trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước chờ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Ngày 05/10/2018, do bị cáo S bị bệnh lao phổi, khó thở nên được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước để điều trị tại phòng số 16 thuộc khoa nhiễm bệnh. Quá trình điều trị từ ngày 05/10/2018 đến ngày 08/10/2018, Trại tạm giam công an tỉnh Bình Phước đã cử 03 cán bộ Cảnh sát gồm Vũ Ngọc D, Mông Văn Đ và Mai Văn Th chịu trách nhiệm quản lý đối với S. Từ ngày 08/10/2018 đến ngày 11/10/2018, phân công Đặng Xuân V, Vũ Ngọc D và Mai Văn Th có trách nhiệm quản lý và canh giữ S. Đến khoảng 17 giờ ngày 11/10/2018, anh Đ và anh Th về cơ quan, còn anh V ở lại canh giữ S. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, anh V mở còng khóa tay cho S để S ăn cơm, còn chân vẫn bị còng vào chân giường, anh V đi ra ngồi ở hành lang đối diện với cửa ra vào để trông coi S. Khi này, thấy anh V ở ngoài hành lang, S lấy cây tăm tre xỉa răng để trên tủ thuốc đưa vào lấy mở khóa chốt còng chân, leo qua cửa sổ

phòng điều trị trốn thoát. Sau đó anh V phát hiện và trình báo sự việc về đơn vị để xử lý.

Đến ngày 12/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đồng Xoài ra Quyết định khởi tố S về tội Trốn khỏi nơi giam và phát lệnh truy nã. Đến ngày 22/11/2018, phòng PC02 – Công an tỉnh Bình Phước đã bắt giữ S tại xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Vật chứng vụ thứ 01:

- 01 biển số xe 93C1-10453
- 01 điện thoại di động FPT X5 màu trắng.
- 01 quần vải kaki màu xám.
- 01 áo sơ mi màu xám, ngắn tay;
- 01 ống tuýp hình chữ L, hai đầu nhọn, đường kính 1,3 cm, dài 13 cm;
- 01 thanh sắt hình lục giác, đầu dẹt nhọn, dài 7,5cm.
- 01 xe mô tô hiệu Sirius không biển số
- 01 điện thoại cảm ứng hiệu Microsoft màu đen (không có sim và thẻ nhớ).
- 01 điện thoại Vertu màu vàng
- Số tiền 2.000.000đ

Vật chứng vụ thứ hai:

- 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung.
- 01 bóp da.
- 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thanh S.
- 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh S.
- 01 còng số 08 màu trắng đục có dây xích nối dài 4,5cm.
- 01 còng số 08 màu xám đen có dây xích nối dài 61cm.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Hồng Bửu Ph là mẹ bị cáo A và ông Nguyễn Thanh T là bố bị cáo S đã bồi thường cho người bị hại Điều K số tiền 24.000.000đ. Người bị hại Điều K không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSHQ ngày 29/01/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 386 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Đức A về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản

1 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồng Bửu Ph không yêu cầu bị cáo A trả lại số tiền 12.000.000đ bà Ph đã thay bị cáo A bồi thường cho người bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm của bản cáo trạng số 11/CT-VKSHQ ngày 29/01/2019, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức A phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Áp dụng khoản 1 Điều 136, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 386, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo S từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” và tổng hợp hình phạt đối với bị cáo S về hai tội.

Áp dụng khoản 1 Điều 136, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A từ 1 năm đến 2 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo S nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo một mức án nhẹ để bị cáo sớm về với gia đình lo cho bố của bị cáo.

Bị cáo A nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn, hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của các bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Ngày 27/4/2017, Nguyễn Thanh S đã rủ Nguyễn Đức A tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đi đến khu vực xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước, nhìn thấy Điều K điều khiển xe mô tô lưu thông phía trước thì S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của K. S điều khiển xe theo sau K vào vườn điều, khi K dừng xe thì S cũng dừng xe cách xe K khoảng 2,5m đến 03m. S để A ngồi trên xe và đi đến nói chuyện với K rồi mượn điện thoại của K đưa cho A cầm. Thấy dây móc chìa khóa xe rơi ra ngoài túi quần của K thì S giật lấy rồi đẩy K rời ra khỏi xe và nhanh chóng nổ máy điều khiển xe bỏ chạy. Khi thấy S bỏ chạy thì A cũng nhét điện thoại của K vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô của S chạy theo sau. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 20.398.000đ.

Mặc dù không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước về hành vi cướp giật tài sản nhưng tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận bị cáo S rủ bị cáo A đi “kiếm tài sản để lấy” và bị cáo A đồng ý. Như vậy, đã có sự tiếp nhận ý chí giữa bị cáo S và bị cáo A về mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Tuy bị cáo A cho rằng không biết trước việc bị cáo S sẽ cướp giật tài sản của Điều K nhưng khi bị cáo S thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thì bị cáo A ở gần đó chứng kiến toàn bộ sự việc và cũng mong muốn việc bị cáo S chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của Điều K, S bỏ chạy thì bị cáo A cũng cầm điện thoại của K bỏ chạy luôn. Sau đó A đưa điện thoại đã chiếm đoạt cho S và được S chia cho 1.000.000đ từ việc bán tài sản chiếm đoạt được. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm, bị cáo S được tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bình Phước và được đưa đến điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước do bị bệnh lao phổi. Lợi dụng sự sơ hở của cán bộ trông coi, ngày 11/10/2018, S lấy cây tăm tre xia răng mở khóa chốt còng chân, leo qua cửa sổ phòng điều trị trốn thoát. Vì vậy, bị cáo S còn phải chịu trách nhiệm về tội “Trốn khỏi nơi giam” quy định tại khoản 1 Điều 386 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 386 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Đức A về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây hoang mang cho người dân, gây mất trật tự

trị an tại địa phương. Hành vi trốn khỏi nơi giam của bị cáo S xâm phạm đến sự đúng đắn trong hoạt động tư pháp của nhà nước, cản trở quá trình giải quyết vụ án.

Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản: đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo S tham gia với vai trò là người chủ mưu, cầm đầu khi là người rủ bị cáo A đi chiếm đoạt tài sản của người khác và cũng là người thực hành tích cực nhất. Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt nặng hơn của bị cáo A. Bị cáo A tham gia với vai trò thứ yếu. Khi được rủ đi chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo không những không ngăn cản mà lại đồng ý và cùng S đi chiếm đoạt tài sản của người khác. Khi S đưa điện thoại của người bị hại cho bị cáo, vì biết mục đích của S và cũng muốn chiếm đoạt tài sản của K nên bị cáo đã cầm và bỏ vào túi bỏ chạy theo S khi S tẩu thoát. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm với bị cáo S nhưng hình phạt nhẹ hơn bị cáo S, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Ngoài ra, năm 2000 bị cáo S đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường; năm 2004 đã 02 lần bị Tòa án xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản và đang trong thời gian bị tạm giam chờ xét xử phúc thẩm, bị cáo S không những không ăn năn, hối cải về hành vi của mình mà lại có hành vi mở khóa còng trốn khỏi nơi giam nhằm trốn tránh trách nhiệm trước pháp luật. Chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo A có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo S được Ủy ban nhân dân huyện L tặng giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào phòng chống tội phạm. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Hành vi trốn khỏi nơi giam của bị cáo S được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình các bị cáo đã thay các bị cáo bồi thường cho người bị hại Điều K 24.000.000đ, anh K không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Bà Hồng Bửu Ph là mẹ của bị cáo Nguyễn Đức A và ông Nguyễn Thanh T là bố của bị cáo Nguyễn Thanh S đã thay các bị cáo bồi thường cho người bị hại mỗi người số tiền 12.000.000đ nhưng ông T, bà Ph không yêu cầu các bị cáo trả lại và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với chị Thị Nh1 là chủ sở hữu chiếc xe bị chiếm đoạt nhưng không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với ông Huỳnh Hoàng Nh là người được bị cáo Scho số tiền 1.500.000đ nhưng ông Nh không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét.

Đối với anh Lê Trọng N là người được bị cáo trả cho 500.000đ tiền xe ôm nhưng anh N không biết đây là số tiền do phạm tội mà có nên không xem xét.

[5]. Vật chứng của vụ án gồm:

01 điện thoại di động FPT X5 màu trắng và 01 biển số xe 93C1-10453 là tài sản hợp pháp của người bị hại Điều K nên cần trả lại cho Điều K, tuy nhiên do không còn giá trị sử dụng, bị hại không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy

01 quần vải kaki màu xám, 01 áo sơ mi màu xám, ngắn tay; 01 ống tuýp hình chữ L, hai đầu nhọn, đường kính 1,3 cm, dài 13 cm; 01 thanh sắt hình lục giác, đầu dẹt nhọn, dài 7,5cm. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo S không liên quan đến vụ án, tuy nhiên do không còn giá trị sử dụng, bị cáo S không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

01 xe mô tô hiệu Sirius không biển số là phương tiện S sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, qua giám định không xác định được số máy, số khung của chiếc xe nên cần tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

01 điện thoại cảm ứng hiệu Microsoft màu đen (không có sim và thẻ nhớ); 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung, 01 bóp da, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thanh Sang, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh S. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo S không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo S.

01 điện thoại Vertu màu vàng là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn Ng không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho anh Ng.

Số tiền 2.000.000đ thu giữ của anh Huỳnh Hoàng Nh và Lê Trọng N: đây là tài sản do bị cáo Sang thực hiện hành vi phạm tội mà có nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

01 còng số 08 màu trắng đục có dây xích nối dài 4,5cm và 01 còng số 08 màu xám đen có dây xích nối dài 61cm là tài sản của Trại tạm giam công an tỉnh Bình Phước nên cần trả lại cho Trại tạm giam công an tỉnh Bình Phước

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án cần được chấp nhận.

Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trốn khỏi nơi giam”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức A phạm tội “Cướp giật tài sản”.

[2]. Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33 ; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 01 (một) năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ 22/11/2018 được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 12/5/2017 đến ngày 26/6/2017 và từ ngày 08/3/2018 đến ngày 11/10/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33 ; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A 01 (một) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2019 được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 12/5/2017 cho đến ngày 22/01/2018.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Điều K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T và bà Hồng Bửu Ph không có yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 điện thoại di động FPT X5 màu trắng và 01 biển số xe 93C1-10453, 01 quần vải kaki màu xám, 01 áo sơ mi màu xám, ngắn tay; 01 ống tuýp hình chữ L, hai đầu nhọn, đường kính 1,3 cm, dài 13 cm; 01 thanh sắt hình lục giác, đầu dẹt nhọn, dài 7,5cm.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Sirius không biển số, số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Tuyên trả lại anh Nguyễn Văn Ng 01 điện thoại Vertu màu vàng.

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh S 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung, 01 bóp da, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thanh S, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh S, 01 điện thoại cảm ứng hiệu Microsoft màu đen (không có sim và thẻ nhớ).

Tuyên trả lại cho Trại tạm giam công an tỉnh Bình Phước 01 còng số 08 màu trắng đục có dây xích nối dài 4,5cm, 01 còng số 08 màu xám đen có dây xích nối dài 61cm.

[5]. Án phí và quyền kháng cáo:

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Nguyễn Thanh S và bị cáo Nguyễn Đức A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H
- Công an huyện H;
- Nhà tạm giữ;
- Các bị cáo
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Hải